

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị V

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Phương Đ, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị V và anh Đặng Văn T; cùng địa chỉ: Thôn K, xã Phương Đ, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Đặng Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Thị Y, sinh ngày 21/9/2011 và cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02/10/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị V cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thị Y, sinh ngày 21/9/2011 theo mức 1.500.000đ/1 tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02/10/2016 theo mức 1.500.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Chị V có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Chị Trương Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), và án phí cấp dưỡng 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000602 ngày 19/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Hà Giang;
- Chi cục THADS TP.Hà Giang;
- UBND xã Phương Đông, TP.Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình